

Ký Ức Sài Gòn (4)

Song Thao

May mắn hơn là những nhân viên của Đài Mẹ Việt Nam. Họ được di tản có bài bản. Nhà văn Ngô Thế Vinh kể lại: *“Tuần lễ trước 30 tháng 4, 1975, nhân viên Đài Mẹ Việt Nam và những cây viết cộng tác đã được Mỹ lên kế hoạch di tản khỏi Việt Nam – để tránh bị trả thù. Trước ngày lên tàu ra đảo Phú Quốc, nhà văn Võ Phiến tới thăm tòa soạn Bách Khoa, nơi vùng “xôi đậu” có Võ Phiến ngồi chung với Vũ Hạnh; cũng là nơi mà Võ Phiến đã gắn bó suốt 18 năm cùng với tuổi thọ của tờ báo. Anh Lê Ngô Châu chủ nhiệm Bách Khoa kể lại: Võ Phiến thì phải đi, nhưng linh cảm không có ngày về, về mặt buồn thảm, anh chỉ ngồi khóc lặng lẽ không nói nổi lời giã từ và rồi đứng dậy bước ra khỏi tòa soạn. Trước một ngày mất Sài Gòn, thì hầu như toàn bộ nhân viên Đài Mẹ Việt Nam trong đó có gia đình Võ Phiến, Lê Tất Điều, Viên Linh, Túy Hồng, Thanh Nam từ Phú Quốc đã được đưa lên con tàu lớn Challenger đậu sẵn ngoài khơi. Khi bờ biển Phú Quốc xa mờ trong tầm mắt, lần này thì Lê Tất Điều thấy Võ Phiến khóc”.*

Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng, Mặc Đỗ cùng hội tụ với nhóm Mẹ Việt Nam trên đảo Guam. Tôi chợt nhớ tới câu ca dao : *“Gió đưa cây cải về trời / Rau răm ở lại chịu nhiều đắng cay”*. Chẳng biết có phải là một thứ “sấm” không? Những “rau răm” bị bầm nát chết trong tù có Hiếu Chân, Nguyễn Hoạt, Hoàng Vĩnh Lộc, Nguyễn Mạnh Côn, Phạm Văn Sơn, Trần Văn Tuyên, Trần Việt Sơn, Vũ Ngọc Các, Nguyễn Tuấn Phát, Dương Hùng Cường. **Chết sau khi ra tù có Hồ Hữu Tường, Vũ Hoàng Chương.** Sống xa rời cây viết có Dương Nghiễm Mậu làm sơn mài, Lê Xuyên bán thuốc lá lẻ trên lề đường, Trần Lê Nguyễn bán báo, Nguyễn Mộng Giác làm mì sợi, Trần Hoài Thư bán cà-rem dạo.

Giới cầm bút xác bác xang bang, dân Sài Gòn cũng cùng chung một quốc nạn. Từ ngày tháng tư u tối đó, dân Sài Gòn tan tác như đàn gà con mất mẹ. Mỗi người đều chạy vạy để có được một chỗ trên máy bay rời Sài Gòn. Chuyện không dễ gì. Vào những giây phút cuối, trực thăng bay hết những đoàn người cuối. Tác giả Nguyễn Viết Đĩnh ghi lại giây phút tan hoang của Sài Gòn thoi thóp: *“Trên bầu trời Sài Gòn, từng đàn trực thăng võ trang của Thủy Quân Lục chiến Mỹ lượn vòng không ngớt. Tiếng cánh quạt xé gió vang lên suốt ngày đêm, như một thứ âm thanh báo tử. Chúng bay thấp, bay cao, đáp xuống các cao ốc, các địa điểm đã được chỉ định từ trước. Người ta nói về những cuộc bốc người từ nóc tòa đại sứ, từ các cao ốc lớn trong thành phố. Những chiếc thang dây buông xuống từ không trung, người bám vào như bám vào sợi dây cuối cùng của sự sống. Mỗi lần nghe tiếng trực thăng, tim tôi lại thắt lại. Không phải vì hy vọng, mà vì một cảm giác bị bỏ lại. Chúng không đến cho tất cả. Chúng chỉ đến cho một số người đã được chọn, đã có tên, đã có chỗ. Phần còn lại của thành phố chỉ đứng nhìn, nước mắt lên trời, bất lực”.*

Những người chậm chân sau đó đã xô nhau vượt biên, vượt biển tìm tự do bất chấp những nguy hiểm tới mạng sống kè kè trên mỗi bước đường trốn xa thành phố thân yêu. Theo Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR), **tổng số người vượt biển từ 1975 tới 1995 khoảng từ 800 ngàn tới 900 ngàn.** Trong số đó tới được Mã Lai (255 ngàn), Hồng Kông (143 ngàn), Indonesia (122 ngàn), Thái Lan (80 ngàn), Philippines (40 ngàn) và Singapore (30 ngàn). Tổng cộng 670 ngàn. **Số tử vong ước tính khoảng từ 200 ngàn tới 400 ngàn** vì chết đuối, bão tố, thiếu nước, đói, bệnh hoặc do cướp biển. **Khoảng 10 ngàn phụ nữ và trẻ em gái bị bạo hành tình dục hoặc bị bắt cóc.**

Vượt biên là tự phát. Dân lén lút dùng những tàu đánh cá ra biển. Có thể họ đi chui nhưng cũng có những vụ mua bãi có công an lấy vàng tiếp tay cho rời bến an toàn. **Nhà nước thấy làm ăn được nên nâng chuyện cướp vàng của những người muốn vượt biên thành... chính sách.** Nhân vụ muốn đẩy người Hoa ra khỏi nước, nhà nước đứng ra tổ chức những chuyến đi mà dân ta hồi đó gọi là đi “bán chính thức”. Nhà nước gọi là **“Phương Án II”**. Tại sao có con số 2? Có ba phương án giải quyết việc ra đi của người Hoa: theo con đường Liên Hiệp Quốc HCR (gọi tắt là Phương Án I); cho ra nước ngoài làm ăn (Phương Án II) và cho về các địa phương sản xuất theo khả năng (Phương Án III).

Trong cuốn « Bên Thắng Cuộc », tác giả Huy Đức đã ghi lại:

“Phương án II là một kế hoạch được “phổ biến miệng để giữ bí mật”, theo đó: Người di tản được đóng vàng để công an mua thuyền hoặc đóng thuyền cho đi mà không sợ bị bắt hay gây khó khăn. Việc thực hiện Phương án II chỉ do ba người là bí thư, chủ tịch và giám đốc công an tỉnh quyết định. Công an được giao làm nhiệm vụ đứng ra thu vàng và tổ chức cho người di tản”.

Việc triển khai Phương Án này được làm trong bí mật. Ngay Phó Bí Thư Thường Trực Sài Gòn Trần Quốc Hương cũng không được biết. Trung Ương lập ra **Ban 69 để theo dõi hoạt động thi hành Phương Án II**. Trong cuốn “Bên Thắng Cuộc” ghi lại kết quả cuộc kiểm tra như sau:
“**Kết quả kiểm tra của Ban 69 cho thấy có một sự khác biệt rất lớn giữa báo cáo của Bộ Nội vụ và thực tế thực hiện Phương án II. Báo cáo của Bộ Nội vụ nói rằng: “Từ tháng 8-78 đến 6-79, mười lăm tỉnh, thành đã cho người Hoa đi nước ngoài bằng tàu, thuyền gồm 156 chuyến với số người là 59.329 người, đã thu 5.612 kg vàng, năm triệu đồng Việt Nam, năm mươi bảy ngàn đô la Mỹ, 235 ô tô, 1.749 nhà và gian nhà”.**

Nhưng, số liệu sau khi Ban 69 kiểm tra cho thấy:

“Số tàu đã cho đi: 533; Số người đã đi: 134.322; Thu vàng: 16.181kg; Ngoại tệ: 164.505 đô la; Tiền ngân hàng VN: 34.548.138 đồng; Một số tài sản khác: 538 ô tô, xe du lịch; 4.145 nhà và gian nhà”. Tuy đối tượng cần đưa đi ở các tỉnh trước hết là Thành phố HCM chưa giải quyết hết yêu cầu, việc phối hợp đưa 70 ngàn người Hoa ở Thành Phố HCM trong tổng số gần 140 ngàn người Hoa đã đi là một thành tích lớn. Việc thu vàng và tài sản của Phương Án 2 cũng là một thành tích rất lớn”.

Trước con số lợi lộc lớn lao như vậy, các cán bộ thi hành không bỏ lỡ cơ hội tham ô bỏ túi. **Người Việt lợi dụng lối vượt thoát khá an toàn này nên đóng vàng cho công an để ngụy trang thành người Hoa trà trộn vào đoàn người Hoa ra đi.** Tại Sài Gòn, nhiều tổ chức móc nối người Việt. Có người đi được, có người tiền mất tật mang. **Tôi là một trong số nhiều người đã bị lừa.** Số vàng tôi mất cho gia đình 4 người trên chục lượng. Sau khi thỏa thuận với người môi giới, gia đình tôi được họ cung cấp cho giấy Chứng Minh Nhân Dân và Thẻ Cử Tri với tên Hoa. Mỗi người phải học thuộc tên mình. Chuyện khá khó khăn nhất là với hai đứa con còn nhỏ của tôi. Cả nhà hy vọng ngồi chờ ngày ra đi. Ngày đó chẳng bao giờ tới.

Có những người không màng chuyện ra đi mà nguyện sống mãi mãi với thành phố thân yêu. Họ tự hủy thân xác trong thành phố để được sống với Sài Gòn dấu yêu. Có rất nhiều người đã chọn bước đường cùng như vậy. Nổi bật nhất là cái chết của Trung Tá Cảnh Sát Nguyễn Văn Long và Trung Tá Đặng Sĩ Vĩnh. Trong những ngày Sài Gòn vừa thất thủ, dân Sài Gòn đã bàng hoàng trước tấm hình Trung Tá Nguyễn Văn Long nằm chết trong bộ quân phục. Tấm hình do một ký giả Pháp chụp và phổ biến trên báo Paris Match. Nhà văn Giao Chỉ ở San Jose viết trong bài **“Câu Chuyện Về Cái Chết Của Trung Tá Nguyễn Văn Long. Cái Chết của Cha Tôi”**:

“Bức hình chụp được phổ biến cho thấy ông nằm nghiêm chỉnh dưới bức tượng xung phong của thủy quân lục chiến trước tòa nhà quốc hội Việt Nam Cộng Hòa. Có nhiều người chứng kiến nhưng không ai là nhân chứng kể lại giây phút cuối cùng. Dường như có người đã sắp xếp lại di hài vị anh hùng mang cấp bậc trung tá cảnh sát. Hai tay để ngay ngắn trên bụng. Nón trước ngực. Tấm hình chụp thật rõ ràng. Ai đã sắp xếp lại? Đồng bào miền Nam hay anh phóng viên chụp hình cho tờ báo Pháp. Bức hình của người sĩ quan bại trận nằm yên nghỉ nhưng hết sức lẫm liệt”.

Trung Tá Long sanh tại Phú Hội, Huế, ngày 1/6/1919, tuần tiết tại Sài Gòn năm 1975, lúc đó 56 tuổi. Ông có 13 người con, 6 trai 7 gái. Tên các con trai thể hiện giấc mơ của cha : Phụng, Hoàng, Minh, Tiến, Quang, Hội. Tất cả đều gia nhập quân đội, trừ cậu út mới 13 tuổi, chưa đủ tuổi đi lính. Tên các con gái như hình ảnh dụ hiền của mẹ: Đào, Tâm, Thiện, Hòa, Hào, Hiền, Huệ. Ông làm việc tại Đà Nẵng, di tản vào Sài Gòn. Bà Tâm, con gái thứ ba của ông kể lại:

“Lúc đó vào cuối tháng 3/75 ở Đà Nẵng. Ba vẫn làm việc trong trại, không về nhà. Hai cậu em không quân, một ở Đà Nẵng, một ở Biên Hòa. Một cậu đưa cả nhà vào sân bay Đà Nẵng chờ di tản. Nhưng rồi cũng không đi được. Vào ngày cuối người cha về nhà không thấy gia đình. Ông nghĩ rằng vợ con có thể đã đi thoát trong phi trường. Ông xuống bãi và ra đi bằng tàu. Vào đến Saigon đã có cô con gái lớn đón cha về ở tạm. Lúc đó mới biết vợ con còn kẹt ở Đà Nẵng. Cha tôi lại vào trình diện Tổng Nha Cảnh Sát để làm việc”.

Trưa 30/4/75 **khi radio phát thanh lời Tổng Thống đầu hàng** thì một phát súng đơn độc nổ bên thái dương, Trung Tá Long ngã xuống. Ông buông cây súng nhỏ theo lệnh Tổng Thống, cây súng tùy thân ông vẫn mang theo từ Huế, Đà Nẵng vào đến Sài Gòn. Thân xác ông được đưa vào bệnh viện Grall. Trong bộ quân phục của ông có mảnh giấy ghi địa chỉ của gia đình nên vào cuối tháng 5/1975 có người từ nhà thương Grall liên lạc về Đà Nẵng. Hai vợ chồng bà Tâm từ Đà Nẵng vào hợp cùng chị và em ở Sài Gòn tới nhà xác bệnh viện. Khi nhân viên nhà xác mở ngăn lạnh chứa xác, xác ông vẫn còn nguyên vẹn trong quân phục có đeo cấp hiệu và mũ Cảnh Sát. Nhân viên nhà xác cho biết được lệnh bảo quản vì đây là thi hài của một anh hùng, chờ gia đình tổ chức mai táng chu đáo. Gia đình đã chôn cất Trung Tá Long tại nghĩa trang Bà Quẹo.

Trung Tá Đặng Sĩ Vinh không tự tử một mình. Ông đã giúp cả gia đình gồm vợ và bảy người con thoát khỏi kiếp sống dưới chế độ Cộng sản trước khi quay súng bắn vào đầu tự tử. Tác giả Nguyễn Hà Tường Anh, khi đó mới 11 tuổi, là hàng xóm của gia đình Trung Tá Vinh, còn nhớ như in quang cảnh ngày oan nghiệt đó trong hồi ký **“Chín Nén Nhang Cho Gia Đình Cố Trung tá Đặng Sĩ Vinh”**:

“Ngày 30/4/1975, lời tuyên bố đầu hàng đã truyền đi. Lá cờ tai họa đã bay trên Dinh Độc Lập. Bỏ tôi từ Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị về nhà. Mắt ông đỏ tia máu. Trước nhà tôi, những người lính cời trần ngồi lè đờng khóc. **Họ chửi rủa rằng họ bị phân biệt, bị bỏ rơi. Họ nói đến chuyện tự tử để không thẹn với hồn thiêng sông núi.** Có cái gì đó khủng khiếp khi những người đàn ông khóc. Hàng xóm xúm lại an ủi họ. Trời chang chang nắng đỏ. Súng ống quân phục đầy đường **từ Ngã Tư Bảy Hiền vào Lê Văn Duyệt.** Tiếng súng do bọn thanh thiếu niên hoang loạn bắn từ vũ khí vương vãi trên hè phố nổ rền suốt mấy giờ liền. Đến khoảng 2 giờ chiều chỉ còn lác đác tiếng súng ở xa. Nổi hoang mang tiếp tục gia tăng khi người ta bắt đầu nhìn thấy những người lính miền Bắc đeo ba-lô, đi dép râu, **mặt mũi lơ lơ, la lăm** bắt đầu đi vào con đường hẻm. Bất thành linh, trong cái oi bức, ngột ngạt của không gian, trong cái căng thẳng kinh hoàng của đầu óc, có những tiếng súng nhỏ vang lên trong một căn nhà. Những tiếng súng ấy nhỏ và không vội vã như người ta bắn qua lại khi giao tranh. Những tiếng súng ấy bình tĩnh, cách nhau đều đặn. Chúng vang lên một cách chắc chắn, chắc chắn như quyết định của người nổ súng. Đó chính là tiếng súng mà Trung Tá Đặng Sĩ Vinh đã nổ để kết liễu mạng sống của cả gia đình gồm vợ với bảy người con và chính bản thân ông”.

Ngôi nhà màu xanh lá cây, cổng gạch trắng, không có chỗ đậu xe hơi, **mang số 98/39 Phạm Hồng Thái, ấp Hòa Bình, quận Tân Bình, Gia Định.** Con hẻm này thuộc Khu Ông Tạ, được dân chúng gọi nôm na là Hẻm Con Mất. Xe ông thường mang để nhờ trong sân nhà kịch sĩ Năm Châu ở xé cửa nhà ông. Bà Vinh tên Trần Ánh Nguyệt, là chị vợ của nhà thơ Hà Thượng Nhân. Nhà thơ cho biết ông anh cột chèo này rất hiền lành, nhân hậu, chẳng bao giờ cau có, cãi cọ với ai. Hai ông bà có bảy người con. Anh con cả là Đặng Trần Vinh, sanh năm 1948. Hai cô út là một cặp sinh đôi khi đó khoảng 15 tuổi. Ông tốt nghiệp Khóa 3 trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức vào năm 1953, từng sự tại Phòng Nhì Bộ Tổng Tham Mưu. Từ cuối thập niên 1960, ông được biệt phái qua Tổng Nha Cảnh sát.

Tác giả Nguyễn Hà Tường Anh nhớ lại:

“Trong ký ức tuổi thơ của tôi, ông Vinh lúc ấy 56 tuổi mà còn phong độ. Gặp bố tôi, ông trao đổi một vài câu chuyện với giọng thật hiền hòa, thân thiện. Anh Vinh, con ông lúc ấy 27 tuổi. Hai cô em gái sinh đôi của anh thường đùa nghịch cười rúc rích. Họ đồng tuổi với chị Trang của tôi. Da trắng, tóc dài, đen nhánh, buộc bằng nơ đỏ và xanh dương. Âm thanh và hình ảnh của gia đình Trung Tá Đặng Sĩ Vinh, nếu chỉ có thể trong tôi, đã không trở thành ký ức kinh hoàng. Ký ức đó chỉ một thời gian ngắn sau, đã bằng những tiếng súng chuyển thành kinh hoàng. Bố tôi nói buổi trưa ngày 30/4/1975, khi nghe tiếng súng: “Chắc bác Vinh tự tử rồi!”. Mắt ông vẫn đỏ tia máu. Tôi dự biết ông có khẩu súng lục và một trái lựu đạn trong ngăn kéo trên lầu. Bố tôi không nói gì nữa. Ông ngồi đó mà không ăn trưa, hai mắt lừ lừ. Tôi không tin lời bố tôi nói. Một đứa 11 tuổi chưa đủ khả năng để lượng định những áp lực tinh thần đang đè nặng trên vai kẻ sĩ trong lúc đất nước rơi vào tay giặc. Thật sự, dù có tin, tôi cũng không nghĩ đến cái chết của người khác vào lúc đó. Nhưng tôi sợ cái chết của bác Vinh và cả nhà sẽ khiến bố tôi quyết định cùng gia đình chọn cái chết hơn là sống với chế độ Cộng Sản. Mẹ tôi lo ngại, lén lấy súng lục và lựu đạn của bố gói trong bao vải ném xuống kinh Nhiêu Lộc. Mẹ tôi chỉ nói ngắn gọn với bố: “Anh muốn làm gì cũng phải bàn với cả nhà, nhất là với mẹ, người sinh ra anh trên đời này”. Bà tôi thấy vậy cũng sợ, bắt chúng tôi bốn đứa âm thầm thay phiên nhau canh chừng bố. May thay sau đó bố tôi đã thoát được những ám ảnh từ gia đình bác Vinh”

Nhà tác giả chỉ cách nhà Trung Tá Vinh chừng 10 căn. Hàng xóm nghe tiếng súng nhưng không ai dám tới. Ngày hôm sau, mọi người mới phá cửa vào nhà. Họ chết lạng trước những xác chết nằm ngay trước mắt. Ngoài phòng khách có treo một bộ quân phục đại lễ. Quạt máy trên trần vẫn chạy, những tấm nệm mang từ trên lầu xuống được xếp ngay ngắn. Trên những tấm nệm là xác của bảy người con, nằm theo thứ tự lớn nhỏ. Tất cả quay đầu ra phía cửa. Anh Vinh lớn nhất nằm ngoài cùng phía bên phải, hai cô út sanh đôi phía bên trái. Bà Vinh nằm ngang dưới chân các con. Trung Tá Vinh nằm bên cạnh. Tất cả đều có một vết đạn duy nhất trên thái dương đã khô máu. Trên bàn, thức ăn còn đầy trong đĩa. Các ly nước còn một nửa có lớp cặn dày màu trắng. Có lẽ cả nhà đã uống thuốc ngủ hoặc một thứ chi đó trước khi chết. Người ta thấy một bức thư gửi cho ông Đặng Sĩ Toàn, anh trai của Trung Tá Vinh. Một bức thư khác xin lỗi bà con lối xóm vì hành động của ông có thể làm phiền lối xóm. Ông cũng cho biết có để một số tiền trong ngăn kéo để lo hậu sự.

Bà Hà Thượng Nhân và gia đình đã làm một tang lễ vội để đưa 9 chiếc quan tài ra chôn ở nghĩa trang Chí Hòa. Tác giả Nguyễn Hà Tường Anh ngậm ngùi viết những dòng cuối của một hồi ức đau thương:
"Tôi viết như viết tâm sự của mình khi kể lại chuyện thương tâm của gia đình Trung Tá Đặng Sĩ Vĩnh. Hình ảnh anh Vinh và hai chị sinh đôi cùng bốn anh chị em còn lại mặt trắng bệch, mắt nhắm nghiền, máu chảy thành vũng từ thái dương, tóc bay lơ thơ dưới quạt trần, từ nay xin là những đau thương của quá khứ. Chính từ những đau thương ấy, xin cho hiện tại được chăm chút trân trọng hơn. Xin cho tương lai được coi là quan trọng hơn hết khi kính mến những hy sinh, khổ sầu của người đã chết vì vận nước. Xin thắp một nén nhang cho mỗi người trong gia đình trung Tá Đặng Sĩ Vĩnh. Xin gửi lời người đã khuất cầu nguyện cho đất nước, và cho chính tôi được nhẹ nhàng".

Hồi ức về Sài Gòn, của tôi và của những người Sài Gòn, miên man không bao giờ dứt. Những người Sài Gòn sẽ còn ghi nhớ về thành phố thân thương này trong suốt cuộc đời còn lại của họ. Riêng tôi, mỗi lần nghĩ về quê nhà, nhất là dịp 30/4, tôi nhớ tới Sài Gòn nhiều hơn nhớ tới sanh quán Hà Nội. Sài Gòn đã cho tôi những ngày tươi đẹp nhất của tuổi thanh niên, tuổi đẹp nhất của đời người. Đã 51 năm Sài Gòn mất tên. Đã 41 năm tôi xa Sài Gòn, hay Sài Gòn xa tôi?

05/2026



Thi hài Trung Tá Đặng Sĩ Vĩnh

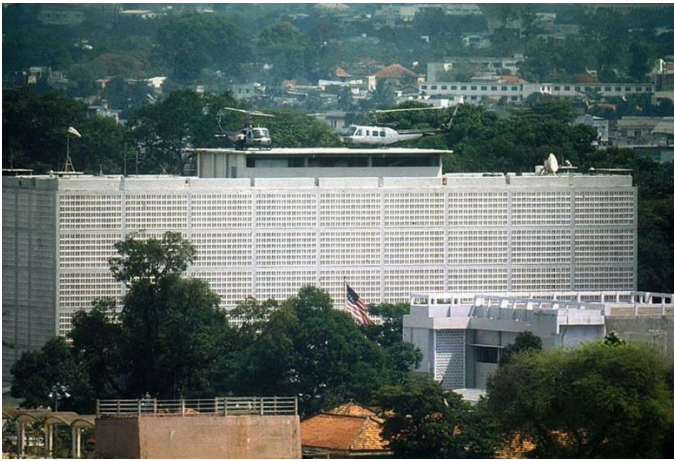
Người dân Sài Gòn bên thi hài Trung Tá Nguyễn Văn Long.



Trung Tá Nguyễn Văn Long. Thi hài Trung tá Nguyễn Văn Long. Chạy lên trực thăng di tản.



Cảnh hỗn loạn trước Tòa Đại sứ Mỹ ngày 29/4/1975. Tàu vượt biên.



Trực thăng trên nóc tòa Đại Sứ Mỹ tại đường Thống Nhất. Lê Xuyên bên tủ thuốc lá.